ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN PHÚC

# DANH SÁCH

## Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong trong đồng bào dân tộc thiểu số xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 801a /QĐ-UBND ngày 19/10/2026 của UBND xã Yên Phúc)*

**A ĐƯA RA KHỎI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN**

| TT | Họ, tên NCUT | Năm sinh/ Giới tính | | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa Chuyên môn | Thành Phần người có uy tín | | | | | | | Lý do đưa ra |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng | Chức sắc, chức việc, nhà tu hành | Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu | Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng | Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên | Đảng viên | Thành phần khác | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *21* |
| 1 | Triệu Văn Thắng | 1956 | | Nùng | Thôn Đông A (cũ) | THCS | | | | | Nông dân | x | | Sức khoẻ yếu |
| 2 | Đỗ Viết Xuất | 1943 | | Tày | Thôn Bản Sầm (cũ) | THCS | | | | | Nông dân | x | | Sức khoẻ yếu |
| 3 | Nông Văn Tạ | 1958 | | Nùng | Thôn Pắc Cắp (cũ) | THCS | | | | | Nông dân | x | | Sức khoẻ yếu |
| 4 | Mặc Khắc Nghiêm | 1947 | | Tày | Thôn Khòn Nhừ (cũ) | THCS | | | | | Nông dân | x | | Sức khoẻ yếu |
| 5 | Hoàng Văn Pình | 1958 | | Nùng | Thôn Nà Thòa (cũ) | THCS | | | | | Cán bộ nghỉ hưu | x | | Sức khoẻ yếu |
| 6 | Triệu Văn Thành | 1966 | | Nùng | Thôn Ích Hữu xã Yên Phúc | THCS | | | | Bí thư chị bộ, trưởng thôn | | x | | Thay thế người khác |
| 7 | Nông Văn Sẩu | 1950 | | Nùng | Thôn Nà Dài (cũ) | THCS | | | | | Nông dân | x | | Sức khoẻ yếu |
| | **Tổng cộng: 7 người** | | | | | | | | | | | | | |

| B | **DANH SÁCH THAY THẾ, BỔ SUNG NGƯỜI CÓ UY TÍN** | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| TT | Họ, tên NCUT | Năm sinh/ Giới tính | | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa Chuyên môn | **Thành Phần người có uy tín** | | | | | | | Lý do thay thế, bổ sung NCUT |
| | | Nam | Nữ | | | | **Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng** | **Chức sắc, chức việc, nhà tu hành** | **Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu** | **Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng** | **Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên** | **Đảng viên** | **Thành phần khác** | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *21* |
| 1 | Đỗ Văn Chiều | 1964 | | Tày | Thôn Xuân Mai, xã Yên Phúc | THPT | | | | | | Đảng viên | | Có sức khỏe, nhiệt tình tham gia các hoạt của thôn |
| 2 | Chu Văn Đức | 1957 | | Nùng | Thôn Bình Phúc, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | | | Có sức khỏe, nhiệt tình tham gia các hoạt của thôn |
| 3 | Hoàng Hữu Liên | 1965 | | | Thôn Bình Phúc xã Yên Phúc | THPT | | | | | | Đảng viên | | Có sức khỏe, nhiệt tình tham gia các hoạt của thôn |
| 4 | Mạc Văn Khôn | 1960 | | Nùng | Thôn Khòn Mới xã Yên Phúc | THPT | | | | | | Đảng viên | | Có sức khỏe, nhiệt tình tham gia các hoạt của thôn |
| 5 | Hoàng Văn Tịnh | 1968 | | Nùng | Thôn Ích Hữu xã Yên Phúc | THPT | | | | | | Đảng viên | | Có sức khỏe, nhiệt tình tham gia các hoạt của thôn |
| | **Tổng cộng: 05 người** | | | | | | | | | | | | | |

**ỦY BAN NHÂN DÂN**
**XÃ YÊN PHÚC**

# DANH SÁCH

## Công nhận Người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số xã Yên Phúc, tỉnh Lạng Sơn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã Yên Phúc)*

| TT | Họ, tên NCUT | Năm sinh/ Giới tính | | Dân tộc | Nơi cư trú | Trình độ văn hóa Chuyên môn | Thành Phần người có uy tín | | | | | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nam | Nữ | | | | Già làng, trưởng dòng họ, người thực hiện nghi lễ truyền thống, tín ngưỡng | Chức sắc, chức việc, nhà tu hành | Cán bộ, công chức, viên chức, bộ đội, công an đã nghỉ hưu | Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Tổ trưởng tổ bảo vệ an ninh, trật tự, thôn đội trưởng | Nhân sỹ, trí thức, doanh nhân, nghệ nhân, nhà giáo, thầy thuốc, lương y, công nhân, nông dân, phụ nữ, thanh niên | Đảng viên | Thành phần khác | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *19* |
| | **Tổng cộng** | **25** | **4** | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hoàng Thị Dịch | | 1954 | Nùng | Thôn Chợ Bãi, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 2 | Hà Công Tác | 1957 | | Tày | Thôn Chợ Bãi xã Yên Phúc | THPT | | | Hưu trí | | | Đảng viên | | |
| 3 | Hoàng Văn Noỏng | 1956 | | Nùng | Thôn Trung, xã Yên Phúc | THCS | | | Hưu trí | | | Đảng viên | | |
| 4 | Lô Văn Hải | 1961 | | Nùng | Thôn Đông, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 5 | Nông Thị Bấm | | 1970 | Nùng | Thôn Tây A, xã Yên Phúc | THCS | | | Hưu trí | | | | | |
| 6 | Đàm Văn Hậu | 1984 | | Nùng | Thôn Tây B, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | | | |
| 7 | Triệu Văn Trọng | 1964 | | Nùng | Thôn Bắc, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | | | |
| 8 | Phùng Văn Tạo | 1979 | | Nùng | Thôn Nam, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 9 | Hà Văn Trường | 1961 | | Tày | Thôn Xuân Mai, xã Yên Phúc | THPT | Trưởng dòng họ | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 10 | Phùng Văn Chín | 1961 | | Nùng | Thôn Xuân Mai, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | | | |
| 11 | Đỗ Văn Chiều | 1964 | | Tày | Thôn Xuân Mai, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 12 | Linh Trung Sơn | 1952 | | Nùng | Thôn Bình Phúc, xã Yên Phúc | THCS | thầy mo,thầy cúng | | | | Nông dân | | | |
| 13 | Chu Văn Đức | 1957 | | Nùng | Thôn Bình Phúc, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | | | |
| 14 | Hoàng Hữu Liên | 1965 | | Nùng | Thôn Bình Phúc, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |

| | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Lành Thị Yêu | | 1951 | Nùng | Thôn Khòn Mới, xã Yên Phúc | THPT | | | Hưu trí | | | | | |
| 16 | Mạc Văn Khôn | 1960 | | Nùng | Thôn Khòn Mới, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 17 | Chu Xuân Ngọc | 1963 | | Nùng | Thôn Bản Cưởm, xã Yên Phúc | THCS | | | | | Nông dân | | | |
| 18 | Lành Văn Tốt | 1977 | | Nùng | Thôn Bản Cưởm, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 19 | Hứa Văn Đồng | 1982 | | Nùng | Thôn Quang Bí, xã Yên Phúc | THPT | | | | Bí thư chi bộ | | Đảng viên | | |
| 20 | Ngô Thị Lợi | | 1966 | Tày | Thôn Bình Đăng, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 21 | Phùng Văn Von | 1973 | | Nùng | Thôn Bình Đăng, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 22 | Hoàng Văn Tịnh | 1968 | | Tày | Thôn Ích Hữu, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 23 | Chu Văn Tài | 1967 | | Nùng | Thôn Nà Thòa, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 24 | Hoàng Văn Tiếp | 1971 | | Tày | Thôn Cốc Phường, xã Yên Phúc | THPT | | | | Bí thư chi bộ, trưởng thôn | | Đảng viên | | |
| 25 | Lăng Văn Thụ | 1982 | | Nùng | Thôn Bản Noóc xã Yên Phúc | THPT | | | | Bí thư chi bộ, trưởng thôn | | Đảng viên | | |
| 26 | Ngô Văn Viên | 1978 | | Nùng | Thôn Nà Mìn, xã Yên Phúc | THPT | | | | Bí thư chi bộ, trưởng thôn | | Đảng viên | | |
| 27 | Nguyễn Đình Lành | 1968 | | Tày | Thôn Tân Tiến, xã Yên Phúc | THCS | | | | Trưởng BCTMT | | | | |
| 28 | Triệu Văn Khỏe | 1960 | | Nùng | Thôn Tân Tiến, xã Yên Phúc | THPT | | | | | Nông dân | Đảng viên | | |
| 29 | Nguyễn Công Du | 1985 | | Tày | Thôn Bản Thí, xã Yên Phúc | THPT | | | | Bí thư chi bộ, trưởng thôn | | Đảng viên | | |
| | **Tổng cộng: 29** | | | | | | | | | | | | | |

(Ấn định 29 người)